

Số: 143/BC-UBND

Kbang, ngày 28 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào
mục đích công ích (5%) trên địa bàn huyện**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện công văn số 286/STNMT-TTra ngày 01/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện và Báo cáo kết quả thanh tra việc quản lý và sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%).

Ngày đầu năm 2023, UBND huyện đã chỉ đạo Thanh tra huyện triển khai cuộc thanh tra việc quản lý và sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) vào kế hoạch thanh tra năm 2023. Theo đó, từ đầu năm đến nay, Thanh tra huyện đã ban hành các Quyết định thanh tra việc quản lý và sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) trên địa bàn huyện đúng theo kế hoạch đề ra, cụ thể: Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 03/01/2023 của Chánh Thanh tra huyện Kbang “*thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) tại UBND thị trấn và xã Tơ Tung, Nghĩa An, Đăkhlơ*”.

Bên cạnh đó, UBND huyện cũng đã chỉ đạo Thanh tra huyện thực hiện báo cáo tiến độ cuộc Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) tại UBND thị trấn và xã Tơ Tung, Nghĩa An, Đăkhlơ về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trước ngày 15 hàng tháng, đúng theo chỉ đạo tại Công văn số 286/STNMT-TTra ngày 01/02/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đến nay, Thanh tra huyện đã ban hành Kết luận cuộc Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) tại UBND thị trấn và xã Tơ Tung, Nghĩa An, Đăkhlơ đúng theo quy định, đảm bảo đúng thời gian báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường.

UBND huyện Kbang báo cáo kết quả cuộc Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

PHẦN I: KHÁI QUÁT CHUNG

Giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2022, công tác quản lý Nhà nước về đất đai đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện bước đầu có hiệu quả, đáp ứng kịp thời công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác quản lý đất công ích từng bước đi vào ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên một số thửa đất công ích có nguồn gốc từ Nông trường, Lâm trường, bệnh viện liên hiệp Kon Hà Nừng trước đây giao trả lại cho các địa phương không rõ ràng, hồ sơ địa chính trải qua nhiều thời kỳ không kiểm tra thường xuyên gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Toàn bộ 03 xã, thị trấn được cấp thẩm quyền đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập sổ mục kê từ năm 1999, năm 2002 để quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) với tổng diện tích là 16,25 ha.

Dưới sự chỉ đạo của UBND huyện Kbang, Thanh tra huyện đã thành lập Đoàn thanh tra theo Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 03/01/2023 của Chánh Thanh tra huyện Kbang, trong đó chủ trì Thanh tra huyện Kbang và trưng dụng một chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường tham gia cùng Đoàn thanh tra.

- Từ Năm 2014 đến nay số cuộc Thanh tra đã triển khai thực hiện gồm 02 cuộc như sau:

* Năm 2017:

+ Quyết định số 11/QĐ-TTr ngày 16/10/2017 của Chánh Thanh tra huyện “*thanh tra việc quản lý, sử dụng đất công tại UBND các xã Nghĩa an, Lơ Ku, Kông Bờ La, Kông Long Khong và xã Đông*”.

+ Kết luận số 01/KL-TTr ngày 12/01/2018 của Thanh tra huyện Kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng đất công tại 05 xã, bao gồm: Nghĩa an, Lơ Ku, Kông Bờ La, Kông Long Khong và xã Đông.

* Năm 2023:

+ Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 03/01/2023 của Chánh Thanh tra huyện Kbang “*thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) tại UBND thị trấn và xã Tơ Tung, Nghĩa An, Đăkhlơ*”.

+ Kết luận số 03/KL-TTr ngày 28/4/2023 của Thanh tra huyện Kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) giai đoạn 2014-2022 tại UBND thị trấn Kbang và các xã: Tơ Tung, Nghĩa An, Đăkhlơ.

- Quá trình thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) tại UBND thị trấn và xã Tơ Tung, Nghĩa An, Đăkhlơ giai đoạn 2014-2023 gặp nhiều khó khăn về nguồn gốc đất 5% tại xã Nghĩa An, Đăkhlơ việc bàn giao đất giữa các tổ chức qua các thời kỳ không có hồ sơ tài liệu minh chứng; quá trình quản lý sử dụng còn để một số hộ dân có đất sản xuất liên kê lẫn chiếm.

- Tuy nhiên, trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã nhận được sự hỗ trợ kịp thời của các đơn vị là đối tượng thanh tra nên có nhiều thuận lợi trong quá trình thanh tra, các đơn vị đều đặt lợi ích đất công ích của địa phương lên hàng đầu, do đó việc quản lý đất công được đảm bảo.

- Đối với cuộc thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) đối tượng thanh tra gồm: UBND thị trấn và xã Tơ Tung, Nghĩa An, Đăkhlơ, trong khi đó liên quan việc sử dụng đất là các cá nhân về hưu, giáo viên và các hộ dân nơi có đất nông nghiệp liên kê.

PHẦN II: KẾT QUẢ THANH TRA

I. Cơ sở pháp lý trong công tác quản lý và sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích:

Căn cứ Luật đất đai 1993; Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Luật đất đai 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của; Chính phủ Luật đất đai (sửa đổi) 2013 đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013 tại kỳ họp thứ 6 khóa XIII, chính thức có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 thay thế Luật đất đai 2003; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các văn bản Nghị định, thông tư hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đất đai. Sau khi Luật đất đai có hiệu lực, UBND huyện Kbang tổ chức hội nghị triển khai đến phòng Tài nguyên và Môi trường; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, UBND các xã, thị trấn và đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao

động cập nhật, nghiên cứu các văn bản mới để kịp thời thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

Đánh giá kết luận, tồn tại và hạn chế

- Việc thi hành pháp luật về đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích 5% trên địa bàn các xã, thị trấn dù đã có nhiều cố gắng và từng bước được cải thiện, song vẫn còn không ít khó khăn, tồn tại và bất cập. Bên cạnh đó, tình trạng vi phạm pháp luật về đất đai còn phổ biến, tranh chấp, khiếu kiện về đất đai vẫn còn diễn biến phức tạp; việc xử lý gặp nhiều khó khăn; ý thức chấp hành pháp luật trong việc lập thủ tục thuê đất công ích 5% của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất chưa nghiêm vì lý do các hộ dân đưa ra nguồn gốc gia đình tự khai hoang trước năm 1992 vì vậy Nhà nước phải công nhận quyền sử dụng đất cho họ.

- Do hệ thống bản đồ được đo đạc từ những năm 1999 - 2002, công tác bàn giao đất công ích 5% trải qua các thời kỳ không được thường xuyên rõ ràng và thống nhất, dẫn đến việc quản lý hồ sơ địa chính trên địa bàn các xã chưa được tốt. Bên cạnh đó, bản đồ địa chính được đo đạc từ những năm 1999 - 2002 chủ yếu là dạng giấy, thửa đất trên bản đồ và hiện nay đã bị biến động rất lớn nên việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính gặp rất nhiều khó khăn.

- Một số công chức Địa chính - Xây dựng một số đơn vị đã điều chuyển công tác, hoặc mới tuyển dụng nên có phần hạn chế trong công tác tham mưu.

II. Tình hình quản lý và sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%).

Tổng diện tích đất nông nghiệp dành cho việc sử dụng vào mục đích công ích (5%) trên địa bàn huyện gồm có 04 đơn vị như sau: UBND thị trấn Kbang; xã Tơ Tung; xã Nghĩa An; xã ĐăkHlơ. Tại thời điểm kiểm tra tổng diện tích đất công ích của 04 xã, thị trấn là 16,25ha, trong đó: UBND thị trấn Kbang quản lý diện tích 2,3 ha, chiếm tỷ lệ 0.001% so với diện tích tự nhiên của thị trấn Kbang; xã Nghĩa An quản lý diện tích 5,3 ha, chiếm tỷ lệ 0.0015% so với diện tích đất tự nhiên của toàn xã; xã ĐăkHlơ quản lý diện tích 2,83 ha chiếm tỷ lệ 0.0014% so với diện tích đất tự nhiên của xã; xã Tơ Tung quản lý diện tích 5,7 ha chiếm tỷ lệ 0.0005% so với diện tích đất tự nhiên của xã.

1. Thời điểm hình thành, quản lý và sử dụng quỹ đất công ích (5%).

1.1. Đối với UBND thị trấn Kbang: Trên cơ sở Báo cáo số 04/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thị trấn Kbang:

- Đối với 02 thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích 5% có nguồn gốc trước đây do Công ty Lâm trường Ka Nak bàn giao về cho huyện theo Quyết định số: 84/QĐ-UB ngày 31/3/2004 của UBND tỉnh Gia Lai “*v/v thu hồi một phần đất của Lâm trường Ka Nak và chuyển mục đích sử dụng từ đất lâm nghiệp sang các loại đất khác giao cho UBND huyện Kbang để bố trí đất sản xuất, đất ở và quy hoạch khu nghĩa địa cho thị trấn Kbang và xã Đông*”. Đã thu hồi 20,9 ha đất Lâm nghiệp của Lâm trường Ka Nak để bố trí đất sản xuất theo Chương trình 132, đất ở và quy hoạch nghĩa địa tại tiểu khu 124, 149 và 131. Sau khi bố trí quỹ đất theo QĐ 84/QĐ-UB ngày 31/3/2004 của UBND tỉnh Gia Lai, diện tích còn lại là 26.300m² gồm 02 thửa đất tại vị trí 3, khoảnh 6, tiểu khu 131 tại: Dốc Khảo sát (đường Quang Trung, đường Trường Sơn Đông).

+ Đến năm 2018, UBND thị trấn Kbang đã trích đo, lập trích lục có hệ toạ độ từng thửa đất với diện tích 26.300m² và lập phương án để quản lý, sử dụng.

1.2. Đối với UBND xã Tơ Tung: Trên cơ sở Báo cáo số 07/BC-UBND ngày 11/01/2023 của UBND xã Tơ Tung.

- Đối với các thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích 5% có nguồn gốc nguyên trước đây do Hợp tác xã Nam Cao quản lý, sử dụng và được hình thành từ năm 1983. Đến năm 1990, Hợp tác xã Nam Cao giải thể giao về cho UBND xã Tơ Tung quản lý.

+ Năm 2000, UBND xã được cấp thẩm quyền tổ chức đo đạc lập bản đồ địa chính từ bản đồ số 38; gồm 82 thửa đất với diện tích 31.015m², các thửa đất này đã được thiết lập vào sổ mục kê ngày 28/9/2001, trong đó ghi cụ thể các thửa đất công ích (5%) do UBND xã quản lý; Để tránh tình trạng các hộ dân canh tác lấn chiếm, ổn định bờ ranh, từ năm 2000 đến 2014, UBND xã Tơ Tung tạm giao cho Ban chỉ huy quân sự xã quản lý, sử dụng; Từ năm 2015 đến cuối năm 2017, UBND xã tạm giao cho Đoàn viên công đoàn xã sản xuất, ổn định đời sống.

- Từ năm 2018 đến nay, UBND xã Tơ Tung đã xác lập hợp đồng cho Hợp tác xã nông nghiệp, thương mại và dịch vụ Tơ Tung thuê đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp (đất trồng lúa nước 02 vụ/năm) đã nộp tổng số tiền là 11.530.500 đồng vào ngân sách nhà nước.

- Năm 2022, thực hiện Công văn số 3263/STNMT-TTr ngày 12/08/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai “về việc rà soát việc sử dụng đất nông nghiệp dành cho công ích” và Công văn số 12/TNMT ngày 17 tháng 08 năm 2022 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kbang “về rà soát việc sử dụng đất nông nghiệp dành cho công ích xã”. Ủy ban nhân dân xã Tơ Tung đã xây dựng, tổng hợp Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 22/08/2022 về kết quả rà soát quỹ đất công ích của xã Tơ Tung là 57.385,0m². Ngày 03/01/2023, Thanh tra huyện ban hành Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 03/01/2023 của Chánh Thanh tra huyện Kbang “Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) tại UBND thị trấn Kbang và các xã: Tơ Tung, Nghĩa An, ĐăkHlơ”, UBND xã Tơ Tung tiến hành rà soát báo cáo số 129/BC-UBND ngày 22/08/2022 đã phát hiện khi xây dựng báo cáo về UBND huyện tổng hợp để báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường thì có cộng nhầm diện tích đất công chưa sử dụng diện tích 28.023,0m² vào trong diện tích đất công ích của xã. Hiện nay thực tế UBND xã đang quản lý, sử dụng với tổng diện tích là 29.362,16m².

1.3. Đối với UBND xã Nghĩa An: Trên cơ sở Báo cáo số 39/BC-UBND ngày 01/02/2023 của UBND xã Nghĩa An. Diện tích đất đang quản lý tại thôn 2 và thôn 3 cụ thể như sau:

- Đối với các thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích 5% tại thôn 2 xã Nghĩa An: Năm 1999, UBND xã Nghĩa An được cấp thẩm quyền đo đạc xác lập từ bản đồ địa chính số 06, trong đó bao gồm: Thửa đất số 87,92^a,134; tổng diện tích 36.689m², các thửa đất này được thể hiện vào sổ mục kê đất ngày 02/10/1999 do UBND xã quản lý đất công ích (5%).

- Đối với các thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích 5% tại thôn 3 xã Nghĩa An: Có nguồn gốc nguyên trước đây do Bệnh viện 332 thuộc Liên hiệp Kon Hà Nừng bàn giao lại cho UBND xã Nghĩa An quản lý, sử dụng (không có hồ sơ bàn giao liên quan đến phần đất Bệnh viện Đoàn 332 giao cho UBND huyện và UBND xã), Việc bàn giao hồ sơ đất đai trên địa bàn xã giữa các thời kỳ

chủ tịch UBND xã không thể hiện rõ về nguồn gốc đất 5% trên địa bàn xã gây khó khăn trong công tác quản lý.

+ Năm 1999, UBND xã được đo đạc lập bản đồ chính quy đất nông nghiệp, tờ bản đồ số 5; gồm 10 thửa đất (thửa số 49; 50; 50a; 51; 52; 56; 56a; 56b; 57; 57a) với diện tích 28.624m², các thửa đất này đã được thiết lập vào sổ mục kê ngày 02/10/1999, trong đó ghi cụ thể các thửa đất công ích (5%) do UBND xã quản lý;

+ Đến năm 2002, UBND xã được cấp thẩm quyền đo đạc lập bản đồ địa chính bao gồm đất ở và đất nông nghiệp tại tờ bản đồ địa chính số 27; Trong đó có 06 thửa đất (thửa số 1; 8; 10; 7; 17; 24) với diện tích 38.973m², các thửa đất này đã được lập vào sổ mục kê ngày 20/2/2002, trong đó ghi cụ thể các thửa đất công ích (5%) do UBND xã quản lý;

+ Tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 27, từ năm 2007 đến năm 2017 UBND xã Nghĩa An tạm giao một phần diện tích đất cho Hội cựu chiến binh xã diện tích 3.389m² để sản xuất gây quỹ hoạt động. Từ năm 2017 đến nay, tạm giao cho Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Nghĩa An với diện tích 4212,6m² sử dụng vào mục đích ươm cây giống và chưa được cắm mốc tại thực địa.

1.4. Đối với UBND xã ĐăkHlơ: Trên cơ sở Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 30/01/2023 của UBND xã ĐăkHlơ:

- Các thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích 5% có nguồn gốc nguyên trước đây do Nông trường quốc doanh Sông Ba khai hoang quản lý, sử dụng. Từ năm 1983 đến 1992 Nông trường quốc doanh Sông Ba tạm giao cho các cá nhân là giáo viên đang làm việc tại địa bàn xã lúc bấy giờ để tăng gia sản xuất cải thiện cuộc sống.

- Đến năm 2002 được cấp thẩm quyền tổ chức đo đạc lập bản đồ địa chính và được thiết lập sổ mục kê ngày 16/7/2002, gồm 10 thửa đất, diện tích là 34.928m² tại tờ bản đồ số 14 và 24 do UBND xã quản lý như sau:

+ Đối với 08 thửa đất tờ bản đồ số 14 có diện tích 28.417m² do các hộ giáo viên đang trồng mía chưa thống nhất trả đất cho địa phương quản lý; 01 thửa đất tờ bản đồ số 14 có diện tích 3.955m² UBND xã tạm giao cho các Đoàn thể ở làng Lọt trồng mía gây quỹ hoạt động; 01 thửa đất tờ bản đồ số 24 có diện tích 2.556m² (A0) UBND xã đang quản lý đưa vào Quy hoạch đất phi nông nghiệp.

+ Năm 2018, UBND xã xây dựng phương án quản lý đất công và đưa các diện tích đất trên vào đất công ích 5% của xã nhưng sau nhiều lần họp trao đổi và vận động các cá nhân giáo viên đang sử dụng thì không được sự đồng thuận của các giáo viên trả lại đất.

2. Thực trạng đất công ích (5%) từ năm 2014 đến thời năm 2022

2.1. Đối với UBND thị trấn Kbang:

- Sau khi công ty Lâm trường Ka Nak bàn giao về cho huyện theo Quyết định số: 84/QĐ-UB ngày 31/3/2004 của UBND tỉnh Gia Lai "v/v thu hồi một phần đất của Lâm trường Ka Nak và chuyển mục đích sử dụng từ đất lâm nghiệp sang các loại đất khác giao cho UBND huyện Kbang để bố trí đất sản xuất, đất ở và quy hoạch khu nghĩa địa cho thị trấn Kbang và xã Đông". Đã thu hồi 20,9 ha đất Lâm nghiệp của Lâm trường Ka Nak để bố trí đất sản xuất theo Chương trình 132, đất ở và quy hoạch nghĩa địa tại tiểu khu 124, 149 và 131. Sau khi bố trí quỹ đất theo QĐ 84 diện tích còn lại là 26.300m² gồm 02 thửa đất tại vị trí 3, khoảnh 6, tiểu khu 131 tại: Dốc Khảo sát (đường Quang Trung, đường Trường Sơn Đông). Đến năm 2007,

UBND huyện ban hành Kế hoạch số: 560/KH-UBND v/v triển khai thực hiện “trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” trên diện tích này (trồng cây xà cừ).

- Năm 2021, UBND thị trấn Kbang xây dựng Phương án đưa toàn bộ diện tích trên là đất nông nghiệp 5% theo Phương án số 02/PA-UBND, ngày 21/7/2021 của UBND thị trấn Kbang để quản lý quỹ đất công trên địa bàn thị trấn Kbang và hiện nay đã đưa vào quản lý đối với 02 thửa đất nêu trên.

2.2. Đối với UBND xã Tơ Tung:

- Từ năm 2014 đến năm 2020 UBND xã Tơ Tung quản lý, sử dụng gồm 82 thửa đất với diện tích 31.015m².

- Năm 2018, UBND xã xây dựng Phương án đưa toàn bộ diện tích trên là đất nông nghiệp 5% theo Phương án số 06/PA-UBND, ngày 14/9/2018 của UBND xã để quản lý quỹ đất công trên địa bàn xã.

- Đến năm 2021, UBND xã tổ chức đo đạc theo hiện trạng và còn lại 73 thửa đất với diện tích là 29.362,16m².

- Hiện nay, 73 thửa đất có diện tích 29.362,16m², UBND xã Tơ Tung cho HTX NN TM&DV thuê và đang trồng lúa 02 vụ/ năm và chưa được cắm mốc tại thực địa.

2.3. Đối với UBND xã Nghĩa An:

- Từ năm 2014 đến năm 2022 UBND xã Nghĩa An quản lý, sử dụng các thửa đất tờ bản đồ số 05 gồm 10 thửa đất số (51, 50^a, 50, 49, 52, 56, 56^a, 56^b, 57, 57^a); bản đồ số 27 gồm thửa đất số 06 thửa (1, 8, 10, 7, 17, 24); tờ bản đồ 06 gồm thửa đất (87; 92^a, 134) với tổng diện tích 51.492m².

- Năm 2018, UBND xã xây dựng Phương án đưa toàn bộ diện tích trên là đất nông nghiệp 5% theo Phương án số 10/PA-UBND, ngày 01/11/2018 của UBND xã Nghĩa An để vận động thu hồi quản lý quỹ đất công trên địa bàn xã.

* **Khó khăn:** Khi xây dựng, triển khai thực hiện Phương án số 10/PA-UBND ngày 01/11/2018 của UBND xã. UBND xã mời các hộ dân đang sử dụng diện tích đất công ích tại thôn 3 để vận động bàn giao lại diện tích 18.246 m² cho UBND xã quản lý theo Phương án nhưng không được sự đồng thuận và đến nay chưa thực hiện việc cắm mốc quản lý đối với diện tích đất này.

- Đất tại thôn 2:

+ **Tại thửa đất số 87 tờ bản đồ số 6 đo đạc năm 1999 diện tích 36.689m²:** UBND xã dùng một phần quỹ đất công ích để bồi thường xây dựng công trình trường học và xây dựng trạm y tế xã; Trong quá trình quản lý UBND xã đề 04 hộ dân ông Võ Văn Hết, ông Võ Văn Hậu, bà Võ Thị Hạnh, bà Lê Thị Hai - công dân thôn 2, xã Nghĩa An lần chiếm diện tích 1.644m² đất công ích. (Đối với trường hợp ông Võ Văn Hết, ông Võ Văn Hậu, bà Võ Thị Hạnh, bà Lê Thị Hai được Đoàn thanh tra theo Quyết định số 01/QĐ- TTr đã nêu tại biên bản làm việc số 12-13/BB-ĐTTr ngày 06/4/2023) gia đình ông Hết, ông Hậu, bà Hạnh, bà Hai thống nhất tự nguyện trả lại phần đất đã lần chiếm UBND xã quản lý.

- Đất tại thôn 3:

+ **Tại thửa đất số 24 tờ bản đồ 27:** Được đo lập bản đồ năm 2002 với tổng diện tích 12.553m² (trồng cây bạch đàn), đến năm 2009, UBND xã Nghĩa An xác lập hợp đồng thuê với diện tích 12.553m² có trích lục kèm theo cho Đoàn Thanh niên xã (thời điểm này ông Nguyễn Văn Thảo là Bí thư Đoàn thanh niên xã) để sản xuất gây quỹ hoạt động. Năm 2010, ông Nguyễn Văn Thảo chuyển qua làm chủ

tịch Hội nông dân xã giao lại cho ông Bùi Văn Hiếu (*Bí thư Đoàn xã*) tiếp tục canh tác gây quỹ cho Đoàn thanh niên xã. Đến năm 2016, ông Bùi Văn Hiếu được bầu Chủ tịch UBND xã và khi chuyển qua làm CT UBND xã cá nhân ông Hiếu tiếp tục mượn phần diện tích đất $10.979,9m^2$ để trồng mía. Năm 2018 UBND xã bố trí xây dựng hội trường thôn 3 với diện tích $1.573,1m^2$. Đến năm 2020, UBND xã mời làm việc và đề nghị ông Bùi Văn Hiếu trả đất đã thuê, mượn thuộc đất công ích 5% tại thôn 3, giáp trường Mẫu giáo cho địa phương (*có biên bản giao đất lập ngày 25/6/2020*), ông Bùi Văn Hiếu đồng ý giao trả đất cho địa phương tiếp tục quản lý. Tuy nhiên qua kiểm tra báo cáo số 39/BC-UBND ngày 01/02/2023 của UBND xã Nghĩa An diện tích thửa đất 24, tờ số 27 là $6.127m^2$. Qua kết quả đo đạc kiểm tra hiện trạng thực tế của Đoàn thanh tra cho thấy sau khi trừ diện tích đất cấp nhà văn hoá thôn 3 (*diện tích $1.573,1m^2$*) diện tích còn lại của thửa đất số 24 là $8.964,9m^2$ (*chưa tính diện tích 02 hộ dân ông Vân bà Phụng lấn chiếm trả lại $2.021,75m^2$*). Do đó Đoàn thanh tra đề nghị UBND xã làm rõ trách nhiệm ông Nguyễn Văn Thảo, ông Bùi Văn Hiếu trong công tác giao nhận và công tác quản lý, sử dụng đất công ích 5% từ trước đến nay, dẫn đến diện tích bị thiếu $2.837,9m^2$ và có báo cáo gửi về Thanh tra huyện trước ngày 10/5/2023.

+ Trong quá trình quản lý, sử dụng UBND xã để 02 hộ dân ông Phạm Văn Vân, bà Đỗ Thị Minh Phụng - Công dân thôn 2, xã Nghĩa An lấn chiếm diện tích $2.021,75m^2$ đất công ích (*Đối với trường hợp ông Phạm Văn Vân, bà Đỗ Thị Minh Phụng được Đoàn thanh tra theo Quyết định số 01/QĐ- TTr đã nêu tại biên bản làm việc số 10-11/BB-ĐTTr ngày 10/3/2023*) gia đình ông Vân, bà Phụng thống nhất tự nguyện trả lại phần đất đã lấn chiếm để UBND xã quản lý.

+ *Tại thửa đất số 17 tờ bản đồ số 27 đo đạc năm 2002 diện tích $2.250m^2$ (Ao):* UBND xã quản lý, đến năm 2015 UBND xã Nghĩa An (*ông Bùi Văn Hiếu nguyên chủ tịch UBND xã*) cho gia đình ông Phạm Phú Hải, công dân thôn 2, xã Nghĩa An thuê đất ao phục vụ sản xuất nông nghiệp; Sau khi được cho thuê phần đất này gia đình ông Hải tự ý lấp ao diện tích $921m^2$ và lấn chiếm tại thửa đất số 8 tờ bản đồ số 27 với diện tích $109,1 m^2$ (*Đối với trường hợp ông Phạm Phú Hải được Đoàn thanh tra theo Quyết định số 01/QĐ- TTr đã nêu tại biên bản làm việc số 09/BB- ĐTTr ngày 10/3/2023*) gia đình ông Phạm Phú Hải thống nhất tự nguyện trả lại phần đất đã lấn chiếm để UBND xã quản lý.

- **Đối với các thửa đất công ích 5% tại thôn 3, xã Nghĩa An qua 02 lần đo đạc theo tờ bản đồ năm 1999, 2002 và kết quả đo đạc thực tế hiện nay như sau:**

Năm 1999, UBND xã Nghĩa An được cấp thẩm quyền đo đạc xác lập tờ bản đồ địa chính số 05, trong đó có các thửa đất gồm:

- + Thửa đất số 51, diện tích $2.770m^2$ do bà Lại Thị Nay sử dụng;
- + Thửa đất số 50^a, diện tích $1.728m^2$ do bà Vũ Thị Mậu sử dụng;
- + Thửa đất số 50, diện tích $3.740m^2$ do bà Phạm Thị Minh Đức và bà Lê Thị

Sĩ sử dụng;

- + Thửa đất số 49, diện tích $2.400m^2$ do bà Vũ Thị Mậu sử dụng;
- + Thửa đất số 52, diện tích $7.946m^2$ do bà Dương Thị Thuý và ông Bùi Văn

Thị sử dụng;

- + Thửa đất số 56, diện tích $2.923m^2$ do ông Đỗ Văn Hà sử dụng;
- + Thửa đất số 56^a, diện tích $2.923m^2$ do bà Vũ Thị Mậu sử dụng;
- + Thửa đất số 57, diện tích $1.574m^2$ do bà Dương Thị Thuý sử dụng;

+ Thửa đất số 57^a, diện tích 1.570m² do ông Bùi Văn Thủy sử dụng;

+ Thửa đất số 56^b, diện tích 1.050m² do UBND xã quản lý, sử dụng.

Năm 2002, UBND xã Nghĩa An được cấp thẩm quyền đo đạc lại có xác lập tờ bản đồ địa chính số 27, trong đó có các thửa đất gồm:

+ Thửa đất số 01, diện tích 2.615m² do bà Phạm Thị Minh Đức sử dụng;

+ Thửa đất số 08, diện tích 6.226m² do bà Lê Thị Sĩ sử dụng, bà Vũ Thị Mậu sử dụng;

+ Thửa đất số 07, diện tích 7.281m² do bà Dương Thị Thủy và ông Bùi Văn Thi sử dụng;

+ Thửa đất số 10, diện tích 8.046m² do UBND xã quản lý giao cho Hội cựu chiến binh xã và Hợp tác xã quản lý, sử dụng; Thửa đất số 17(Ao), diện tích 2.250m² do UBND xã quản lý; Thửa đất số 24, diện tích 12.553m² do UBND xã quản lý, tại thời điểm tờ bản đồ địa chính số 05 và 27 được xác lập thể hiện các thửa đất liền kề với nhau bằng các bờ ranh, không thể hiện có con đường.

Qua kiểm tra đo đạc thực tế hiện nay cho thấy các thửa đất công ích (5%) có diện tích biến động so với diện tích tờ bản đồ số 05; 27 đo đạc năm 1999 và 2002 như sau:

+ Kết quả kiểm tra thực tế thửa đất số 01, diện tích là 2.603,6m² do bà Phạm Thị Minh Đức sử dụng có diện tích nhỏ hơn so với bản đồ 27 đo năm 2002 là 11,4m² (lý do một phần diện tích để mở đường nội đồng).

+ Kết quả kiểm tra thực tế thửa đất số 08, diện tích là 5.621,6m² do bà Lê Thị Sĩ sử dụng 2.872,1m²; bà Vũ Thị Mậu sử dụng 2.749,5m² có diện tích nhỏ hơn so với bản đồ 27 đo năm 2002 là 604,4m² (lý do một phần diện tích để mở đường đất và một phần diện tích đất do ông Phạm Phú Hải lấn chiếm 109,1m²).

+ Kết quả kiểm tra thực tế thửa đất số 10, diện tích là 7.601,6m² do UBND xã Nghĩa An giao đất cho Hội cựu chiến binh xã diện tích 3.389m²; giao cho Hợp tác xã Nghĩa An với diện tích 4.212,6m², có diện tích nhỏ hơn so với bản đồ 27 đo năm 2002 là 444,4m² (lý do một phần diện tích để mở đường nội đồng).

+ Kết quả kiểm tra thực tế thửa đất số 07, diện tích là 6.807,8m² do ông Phạm A Woòng sử dụng 3.939,1m²; ông Bùi Văn Thi sử dụng 2.868,7m², có diện tích nhỏ hơn so với bản đồ 27 đo đạc năm 2002 là 473,2m² (lý do một phần diện tích đất giáp suối bị sạt lở và một phần mở đường bê tông đi làng Kuao với diện tích 330,3m²).

+ Kết quả kiểm tra thực tế thửa đất số 51, diện tích là 2.770m² do bà Lại Thị Nay sử dụng có diện tích lớn hơn so với bản đồ 05 đo đạc năm 1999 là 150m² (lý do thời điểm đo đạc năm 1999 công ty tư vấn không đo phần đất có cây to, ụ mối).

+ Kết quả kiểm tra thực tế thửa đất số 50^a, diện tích là 3.173,4m² do bà Vũ Thị Mậu sử dụng có diện tích lớn hơn so với bản đồ 05 đo đạc năm 1999 là 1.445,4m² (lý do thời điểm đo đạc năm 1999 công ty tư vấn không đo phần đất các cây to, ụ mối và các ngôi mộ của dân nằm trên đất).

Qua 03 lần mời làm việc các hộ dân gồm (Bà Dương Thị Thủy, bà Vũ Thị Mậu, ông Đỗ Văn Hà, Bùi Văn Thi, Phạm Thị Minh Đức, Lại Thị Nay) khẳng định nguồn gốc đất do gia đình các hộ tự khai hoang năm 1992 và sử dụng từ đó đến nay, không thừa nhận là đất do địa phương quản lý và không ký biên bản làm việc (hiện nay đất đang tranh chấp giữa các hộ dân và UBND xã).

2.4. Đối với UBND xã Đắk Hlơ: Trên cơ sở Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 30/01/2023 của UBND xã Đắk Hlơ.

- Từ năm 2014 đến năm 2023 UBND xã Đắk Hlơ quản lý trên bản đồ số 14 (gồm thửa đất số 95^a; 184, 185, 186, 187, 188, 189, 189^a, 192); tờ bản đồ 24 (gồm thửa đất số 446) diện tích là 34.928m², đã được thiết lập sổ mục kê ngày 16/7/2002 do UBND xã quản lý theo quy định.

- Năm 2018, UBND xã lập Phương án đưa toàn bộ diện tích trên là đất nông nghiệp 5% theo Phương án số 01/PA-UBND ngày 30/5/2018 của UBND xã Đắk Hlơ để vận động thu hồi quản lý quỹ đất công trên địa bàn xã.

* **Khó khăn:** Khi xây dựng, triển khai thực hiện Phương án số 01/PA-UBND ngày 30/5/2018 của UBND xã Đắk Hlơ về việc quản lý quỹ đất công trên địa bàn xã Đắk Hlơ. UBND xã phối hợp với Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện mời các giáo viên đang sử dụng diện tích đất trên vận động bản giao lại diện tích 28.417 m² cho UBND quản lý theo Phương án nhưng không được sự đồng thuận và đến nay chưa thể cắm mốc quản lý đối với diện tích đất này.

- Hiện nay các thửa đất được sử dụng ổn định bờ ranh, không thay đổi hình thể, đứng hiện trạng, tuy nhiên UBND xã không xác lập hợp đồng thuê đất đối với từng hộ giáo viên (*lý do là các giáo viên không thống nhất trả đất cho địa phương và cho rằng nguồn gốc đất trên do Nông trường quốc doanh sông ba giao từ lâu cho giáo viên*) nên khó khăn trong công tác quản lý và việc xác lập hợp đồng.

- Tại buổi làm việc ngày 24/3/2023 của Đoàn thanh tra, qua làm việc có 10 hộ giáo viên đang sử dụng diện tích đất 5%, trong đó có 05 hộ (*bà Đặng Thị Hoa; ông Hồ Xuân Tiến; ông Phạm Văn Cường; bà Võ Thị Xin; bà Nguyễn Thị Tư*) thống nhất trả lại đất cho địa phương quản lý và có nguyện vọng thuê đất để tiếp tục sản xuất và 02 hộ dân (*ông Phạm Đức Hiệu; bà Lâm Thị Kim Oanh*) chưa thống nhất trả đất cho địa phương; vắng mặt tại buổi làm việc (*bà Lê Thị Thoa; bà Huỳnh Thị Kim Lang; ông Phạm Xuân Trường*). Đối với 07 trường hợp được Đoàn thanh tra theo Quyết định số 01/QĐ-TTr nêu tại biên bản làm việc từ số 1-7/BB- ĐTTr ngày 24/3/2023.

3. Kết quả thanh tra

3.1. So sánh kết quả sử dụng đất từ khi hình thành và tình hình sử dụng đến năm 2022:

a. Đối với UBND thị trấn Kbang: Hiện nay UBND thị trấn Kbang quản lý, sử dụng diện tích là 23.789m² tại vị trí 3, khoảnh 6, tiểu khu 131 tại Dốc Khảo sát (*đường Quang Trung, đường Trường Sơn Đông*), thị trấn Kbang và giảm 2.511m² so với năm 2007 (*Nguyên nhân: do quy hoạch mở đường Trường Sơn Đông*); chưa phát hiện tình trạng lấn chiếm, hiện nay UBND thị trấn đã tạm giao cho Ban chỉ huy Quân sự thị trấn để triển khai trồng cây keo lai và tổ chức cắm được 29 mốc đối với 02 thửa đất này đưa vào quản lý, sử dụng.

b. Đối với UBND xã Tơ Tung:

- Năm 2000 đã được cấp thẩm quyền tổ chức đo đạc lập bản đồ địa chính số 38; gồm 82 thửa đất với diện tích 31.015m²;

- Đến năm 2021, UBND xã tổ chức đo đạc theo hiện trạng và hiện nay còn lại 73 thửa đất với diện tích là 29.362,16m² tại vị trí giáp đường làng Đê Bar đi làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung.

Hiện nay đối với diện tích đất công ích 5% do UBND xã quản lý giảm 1.653m^2 so với số liệu được đo đạc xác lập bản đồ năm 2000 (Nguyên nhân: do sử dụng một phần diện tích để quy hoạch mở rộng đường giao thông nội đồng và kênh mương cánh đồng Đê Bar).

c. Đối với UBND xã Nghĩa An:

- Từ năm 1999, UBND xã Nghĩa An được đo đạc lập tờ bản đồ số 05 gồm 10 thửa đất số (51, 50^a, 50, 49, 52, 56, 56^a, 57, 57^a, 56^b) với diện tích 28.624m^2 ; tờ bản đồ số 06 gồm 3 thửa đất (87; 92^a, 134) với diện tích 36.689m^2 ; năm 2002 được đo đạc tờ bản đồ 27 trong đó, đo chồng lên các thửa đất (50, 49, 52, 56, 56^a, 57, 57^a, 56^b) tại tờ số 5. Hiện tại trong tờ bản đồ số 27 gồm 6 thửa đất số (1, 8, 10, 7, 17, 24) với diện tích 38.971m^2 .

- Hiện nay các thửa đất công ích tại xã Nghĩa An biến động rất lớn như sau:

+ Qua kiểm tra hiện trạng thực tế 10 thửa đất tại tờ bản đồ số 5 có diện tích $28.728,1\text{m}^2$ tăng $104,1\text{m}^2$ so với số liệu được đo năm 1999, diện tích 28.264m^2 . (Nguyên nhân tăng thời điểm đo năm 1999 diện tích đất của các hộ dân giáp ranh với đất tổ chức thể hiện bờ ranh chưa rõ ràng);

+ Qua kiểm tra hiện trạng thực tế tờ bản đồ số 06 gồm 3 thửa đất với diện tích $30.103,2\text{m}^2$ giảm $6.585,8\text{m}^2$ so với số liệu được đo đạc năm 1999, diện tích 36.689m^2 (Nguyên nhân: do sử dụng một phần diện tích để quy hoạch mở rộng đường giao thông và dùng bố trí để bồi thường xây dựng các công trình trường học và xây dựng trạm y tế xã);

+ Kiểm tra đối chiếu tại tờ bản đồ số 5 đo năm 1999, có 02 thửa đất số 50^a, 51 diện tích 4.498m^2 , tuy nhiên khi tờ bản đồ số 27 đo năm 2002 chồng lên các thửa đất tờ bản đồ số 5 đã bỏ ra ngoài 02 thửa đất này. Tại tờ bản đồ số 27 thể hiện 06 thửa (1, 8, 10, 7, 17, 24) với diện tích 38.971m^2 . Qua kiểm tra hiện trạng thực tế hiện nay 02 thửa đất tại tờ bản đồ số 5 và 06 thửa đất tờ bản đồ số 27 có diện tích $41.754,5\text{m}^2$ tăng $2.783,5\text{m}^2$ so với số liệu được đo đạc năm 2002, diện tích 38.971m^2 (Nguyên nhân: do sử dụng một phần diện tích để quy hoạch nhà văn hoá thôn 3, các hộ dân lấn chiếm ông Hải diện tích 921m^2 ; ông Vân diện tích 1.938m^2 ; bà Phụng diện tích $83,75\text{m}^2$).

d. Đối với UBND xã ĐắkHlor: Từ năm 2014 đến năm 2023 UBND xã quản lý trên hồ sơ, bản đồ số 14, gồm thửa 9; tờ bản đồ 24, gồm 01 thửa với tổng diện tích là 34.928m^2 được đo đạc bản đồ địa chính khép kín theo địa giới hành chính. Hiện nay các thửa đất được sử dụng ổn định bờ ranh, không thay đổi hình thể, đúng hiện trạng.

3.2. Việc chấp hành các quy định về thuê đất 5%:

- Đối với UBND xã Tơ Tung, từ năm 2018 đến nay đã xác lập hợp đồng cho thuê đất với diện tích $29.362,16\text{m}^2$ gồm 73 thửa đất (01 thửa đất diện tích $22.508,74\text{m}^2$; 01 thửa đất diện tích $6.853,42\text{m}^2$) cho HTX NN, TM&DV sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ/năm.

+ Số tiền phải nộp = Giá đất tại vị trí thửa đất theo Bảng giá của UBND tỉnh x hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm x 1/50 x Thời gian thuê đất x Diện tích sử dụng đất

+ HTX NN, TM&DV xã Tơ Tung đã làm thủ tục chuyển sang ký hợp đồng thuê đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 210, Luật Đất đai 2013 "Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được giao đất, công nhận quyền sử dụng

đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, khi hết thời hạn sử dụng đất nếu có nhu cầu thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản 1, Điều 126 của Luật này. Thời hạn sử dụng đất được tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2013 đối với trường hợp hết hạn vào ngày 15 tháng 10 năm 2013 theo quy định của Luật đất đai năm 2003; tính từ ngày hết thời hạn giao đất đối với trường hợp hết hạn sau ngày 15 tháng 10 năm 2013” và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính.

- Đối với UBND xã Nghĩa An: Việc thu tiền sử dụng đất trong giai đoạn 2014 - 2019 không có hợp đồng thuê đất, căn cứ thu tiền thuê đất (đất 5%) UBND xã Nghĩa An chỉ đạo kế toán thu 200.000 đồng/1.000 m²/năm (chỉ đạo trực tiếp không có biên bản); số tiền thu được 11.650.000 đồng không nộp vào ngân sách UBND xã Nghĩa An, tuy nhiên UBND xã Nghĩa An đã sử dụng số tiền này vào mục đích an sinh xã hội của địa phương nên không thu hồi số tiền này (theo Kết luận số 01/KL-TTtr ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Thanh tra huyện Kbang).

- Đối với UBND xã ĐăkHlơ không lập hợp đồng thuê đất đối với từng hộ cá nhân (lý do các hộ dân và các giáo viên không thống nhất trả đất cho địa phương).

4. Kết quả sai phạm, tồn tại, thiếu sót phát hiện qua các kỳ thanh tra, kiểm tra trước đây.

Ngày 12/01/2018 Thanh tra huyện ban hành Kết luận số 01/KL-TTtr về việc quản lý, sử dụng đất công tại 05 xã, bao gồm: Nghĩa an, Lơ Ku, Kông Bờ La, Kông Long Khong và xã Đông:

- *Nội dung sai phạm, thiếu sót:* UBND các xã quản lý chưa chặt chẽ để các hộ dân lấn chiếm một số diện tích đất công trên địa bàn các xã.

- *Việc khắc phục, xử lý các kiến nghị:* Hiện nay UBND các xã được Thanh tra đã khắc phục thu hồi diện tích đất công bị lấn chiếm.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm:

UBND thị trấn Kbang và các xã: Tơ Tung, Nghĩa An, Đăk Hlơ đã xây dựng phương án quản lý đất công, trong đó có đất công ích 5% đảm bảo tính pháp lý trong công tác quản lý đất đai, cơ bản phát huy tính hiệu quả đúng với phương án đã được phê duyệt.

UBND thị trấn Kbang đã chủ động phối hợp với Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức đo đạc và cắm mốc tại thực địa đối với 02 thửa đất công ích do Lâm trường bàn giao trả lại để địa phương quản lý.

UBND xã Tơ Tung đã thực hiện tốt việc quản lý đất đai trên địa bàn xã, cho tổ chức thuê và số tiền thuê đất công ích nộp vào ngân sách địa phương theo quy định.

UBND xã Đăk Hlơ: Hiện nay các thửa đất được sử dụng ổn định bờ ranh, không thay đổi hình thể, đúng hiện trạng. Tuy nhiên UBND xã không lập hợp đồng thuê đất đối với từng hộ giáo viên (lý do là các giáo viên không thống nhất trả đất cho địa phương và cho rằng nguồn gốc đất trên do Nông trường quốc doanh sông Ba giao từ lâu cho giáo viên) gây khó khăn trong công tác quản lý và lập hợp đồng thuê đất.

Việc thi hành pháp luật về đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích 5% trên địa bàn các xã, thị trấn dù đã có nhiều cố gắng và từng bước được cải thiện, song vẫn còn không ít khó khăn, tồn tại và bất cập. Bên cạnh đó, tình trạng vi phạm

pháp luật về đất đai còn phổ biến, tranh chấp, khiếu kiện về đất đai vẫn còn diễn biến phức tạp; việc xử lý gặp nhiều khó khăn; ý thức chấp hành pháp luật trong việc lập thủ tục thuê đất công ích 5% của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất chưa nghiêm.

2. Hạn chế, nguyên nhân:

*** Hạn chế:**

- Đối với UBND xã Nghĩa An: Quá trình quản lý, sử dụng đất công ích tại một số vị trí còn chưa đảm bảo, chưa thực hiện kiểm tra thường xuyên dẫn đến một số hộ dân tự ý lấn chiếm; Việc bàn giao hồ sơ đất đai giữa Bệnh viện liên hiệp Kon Hà Nừng và các thời kỳ chủ tịch UBND xã không thể hiện rõ về nguồn gốc đất 5% trên địa bàn xã gây khó khăn trong công tác quản lý dẫn đến 06 hộ dân không thống nhất trả lại đất công ích đang sử dụng.

- Đối với UBND xã Đăk Hlơ: Việc 05 hộ dân có đất do nông trường Sông Ba tạm giao đất từ năm 1983 đến nay không đồng ý trả đất cho địa phương gây khó khăn trong công tác quản lý, lập hồ sơ thuê đất trên địa bàn xã; UBND xã chưa có giải pháp quyết liệt để thu hồi dứt điểm diện tích đất công ích.

*** Nguyên nhân:**

- Do hệ thống bản đồ được đo đạc từ những năm 1999 - 2002, công tác bàn giao đất công ích 5% trải qua các thời kỳ không được thường xuyên rõ ràng và thống nhất, dẫn đến việc quản lý hồ sơ địa chính trên địa bàn các xã chưa được tốt. Bên cạnh đó, bản đồ địa chính được đo đạc từ những năm 1999 - 2002 chủ yếu là dạng giấy, thửa đất trên bản đồ và hiện nay đã bị biến động rất lớn nên việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính gặp rất nhiều khó khăn.

- Một số Chủ tịch UBND xã, thị trấn và Công chức Địa chính - Xây dựng đã điều động, luân chuyển công tác, hoặc mới tuyển dụng nên có phần hạn chế trong công tác quản lý quỹ đất công ích 5% trên địa bàn.

IV. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở Kết luận thanh tra, Chánh Thanh tra huyện đề nghị Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo và kiến nghị một số nội dung sau:

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã, Nghĩa An, Đăk Hlơ nghiêm túc rút kinh nghiệm về những hạn chế, thiếu sót nêu trên.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Triển khai thực hiện kiểm tra thường xuyên đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã lập phương án quản lý đất công và thực hiện đúng với phương án được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân xã Tơ Tung, Nghĩa An, Đăk Hlơ, thị trấn Kbang:

- Chỉ đạo Công chức Địa chính - Xây dựng thực hiện nghiêm việc cập nhật, chỉnh lý bản sao tài liệu đo đạc địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý theo quy định tại khoản 1, Điều 6, Thông tư 24/2014/TT-BTNMT; Quản lý đất công ích 5% đi vào nề nếp, thực hiện việc kiểm kê, cắm mốc tại thực địa để đảm bảo công tác quản lý.

- Đề nghị Đảng ủy xã Nghĩa An:

+ Tổ chức kiểm điểm ông Võ Văn Hải - Chủ tịch Hội nông dân xã (nguyên chủ tịch UBND xã); ông Bùi Văn Hiếu - Đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã Nghĩa An (nguyên là Chủ tịch UBND xã) về những hạn chế, thiếu sót trong quá trình quản lý đất công ích 5% giai đoạn 2014-2019 vì đã để xảy ra các hộ dân lấn chiếm đất và không lập hợp đồng thuê đất đối với cá nhân và tổ chức.

- Đề nghị UBND xã Nghĩa An:

+ Năm 2018, Thanh tra huyện Kbang ban hành Kết luận thanh tra số 01/KL-TTr ngày 12/01/2018, UBND xã đã tổ chức khắc phục các kiến nghị theo kết luận Thanh tra. Tuy nhiên về việc một số diện tích đất công ích 5% UBND xã vẫn để cho các hội đoàn thể mượn và chưa lập thủ tục, phương án cho thuê là chưa đúng với quy định, làm mất nguồn thu cho ngân sách địa phương. Do đó Đoàn thanh tra đề nghị Chủ tịch UBND xã, Công chức kế toán, Công chức chuyên môn liên quan cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

+ Tiếp tục vận động và có giải pháp thu hồi đất của 06 hộ dân gồm (Bà Dương Thị Thủy diện tích $3.939,1m^2$; bà Vũ Thị Mậu diện tích $3.173,4 + 2.749,5m^2$, ông Đỗ Văn Hà diện tích $2.872,1m^2$; ông Bùi Văn Thi diện tích $2.868,7m^2$; bà Phạm Thị Minh Đức diện tích $2.603,6m^2$; bà Lại Thị Nay diện tích $2.920,1m^2$) tổng diện tích $21.126,5m^2$ đất cho địa phương quản lý theo quy định.

+ UBND xã tiếp tục làm rõ trách nhiệm ông Nguyễn Văn Thảo, ông Bùi Văn Hiếu trong công tác giao nhận và công tác quản lý, sử dụng đất công ích 5% giai đoạn 2014-2019, dẫn đến diện tích bị thiếu $2.837,9m^2$ và có báo cáo gửi về Thanh tra huyện trước ngày 10/5/2023.

- Đề nghị UBND xã ĐăkHlơ:

+ Tổ chức kiểm điểm bà Văn Thị Hồng Hiếu Công chức kế toán xã ĐăkHlơ (nguyên là công chức kế toán xã Nghĩa An giai đoạn 2014-2019) nghiêm túc rút kinh nghiệm về những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thu tiền thuê đất công ích 5% không đúng quy định tại xã Nghĩa An.

+ Tiếp tục vận động và có giải pháp thu hồi đất của 05 hộ dân gồm (Bà Lê Thị Thoa, diện tích $2.435m^2$; bà Huỳnh Thị Kim Lang diện tích $4.710m^2$; bà Lâm Thị Kim Oanh, diện tích $2.227m^2$, ông Phạm Đức Hiệu, diện tích $5.030m^2$; ông Phạm Xuân Trường, diện tích $4.656m^2$) tổng diện tích $16.831m^2$ đất cho địa phương quản lý theo quy định.

4. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức riêng cuộc Thanh tra đất công ích 5% tại thôn 3, xã Nghĩa An. Vì hiện nay các hộ dân khẳng định nguồn gốc đất do gia đình tự khai hoang năm 1992, không thuộc đất do địa phương quản lý. Việc bàn giao đất của Bệnh viện liên hiệp Kon Hà Nừng năm 1989 không có hồ sơ, quyết định thu hồi đất, không có biên bản bàn giao đất, vị trí, diện tích cụ thể về cho UBND huyện và UBND xã quản lý. Gây khó khăn cho địa phương trong công tác quản lý; Qua quá trình mời làm việc 03 lần giữa Đoàn thanh tra, Đảng ủy, UBND xã với các hộ dân, Đoàn thanh tra đã phân tích cụ thể, tuy nhiên các hộ dân không đồng ý trả đất cho địa phương quản lý theo quy định.

Trên đây là báo cáo Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích (5%) trên địa bàn huyện, UBND huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./. *Stg*

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Lưu: VT, VP, TH. *h*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

BIỂU TÔNG HỢP TÍNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUÝ ĐẤT CÔNG ÍCH TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ ĐẮK HLO,

NGHĨA AN, TÔ TUNG, THỊ TRẦN KBANG, HUYỆN KBANG (kết quả thanh tra)
(Kèm theo Báo cáo số 143/UBND-NC ngày 8 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện Kbang)



TT	Địa bàn	Địa chỉ thửa đất		Diện tích (ha)	Loại đất nông nghiệp	Tỷ lệ đất 5%	Họ và tên người thuê	Thời hạn cho thuê (năm)	Hình thức cho thuê (đánh dấu x)		Đơn giá cho thuê (triệu đồng/m ²)	Tổng số tiền cho thuê (triệu đồng)	Hình thức trả tiền		Số tiền đã nộp (triệu đồng)	Ghi chú
		Số thửa	Số tờ bản đồ						Đấu giá	Không đấu giá			Hàng năm	1 lần		
I	Diện tích đang cho thuê															
I.1	Xã Tô Tung															
		91,92,61,93,136,135,134,133,166,165,199,200,167,168,231,230,232,233,201,202,287,342,364,389,341,315,286,314,363,388,387,362,313,335,307,308,309,310,311,312,358,359,336,337,338,339,340,382,383,384,360,361,409,410,411,412,385,386,306,357,380,381,408,430,407,379,334,333,356,378,405,406,429,332,377,403,404,427,428,402,376,355		38	29,362	LUC	0.0285	Hợp tác xã nông nghiệp, thương mại và dịch vụ Tô Tung	Hàng năm	x	6,500	11,530,500	x		11,530,500	
				Tổng cộng												
				29,362												
II	Diện tích chưa cho thuê (nhập thông tin từ cột 1 đến 7)															
II.1	Xã Đăk Hlơ															
		446	24	2,556.0	AO	0.00013										
		95A	14	3,955.0	HNK	0.00020										
		184	14	7,305.0	HNK	0.00037										
		185	14	2,280.0	HNK	0.00012										
		186	14	2,903.0	HNK	0.00015										
		187	14	2,227.0	HNK	0.00011										
		188	14	2,397.0	HNK	0.00012										
		189A	14	2,217.0	HNK	0.00011										
		192	14	4,656.0	HNK	0.00024										
		189	14	4,432.0	HNK	0.00023										
				Tổng cộng												
				34,928.0												
II.2	Xã Nghĩa An															
		49	5	2,400	HNK	0.00007										
		50	5	3,740	HNK	0.00011										
		50a	5	1,728	HNK	0.00005										
		51	5	2,770	HNK	0.00008										
		52	5	7,946	HNK	0.00022										

14/1

[illegible]

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH QUÝ ĐẤT CÔNG LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ, ĐẶK H LỢ, TÔ TUNG, NGHĨA AN, THỊ TRẦN KBANG, HUYỆN KBANG, TỈNH GIA

LAI

(Kèm theo Báo cáo số 14/UBND-NC ngày 28 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện, Kbang)

TT	Địa chỉ thửa đất			Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích biến động qua các năm (tăng, giảm)										Diện tích (ha)	Lý do (tăng, giảm)	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ bản đồ	Năm 2013			2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	Năm 2023			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
I Diện tích theo địa bàn																		
I.1	Xã Đăk Hlơ	446	24	2,556.0	AO	2,556.0	2,556.0	2,556.0	2,556.0	2,556.0	2,556.0	2,556.0	2,556.0	2,556.0	2,556.0			
		95A	14	3,955.0	HNK	3,955.0	3,955.0	3,955.0	3,955.0	3,955.0	3,955.0	3,955.0	3,955.0	3,955.0	3,955.0			
		184	14	7,305.0	HNK	7,305.0	7,305.0	7,305.0	7,305.0	7,305.0	7,305.0	7,305.0	7,305.0	7,305.0	7,305.0			
		185	14	2,280.0	HNK	2,280.0	2,280.0	2,280.0	2,280.0	2,280.0	2,280.0	2,280.0	2,280.0	2,280.0	2,280.0			
		186	14	2,903.0	HNK	2,903.0	2,903.0	2,903.0	2,903.0	2,903.0	2,903.0	2,903.0	2,903.0	2,903.0	2,903.0			
		187	14	2,227.0	HNK	2,227.0	2,227.0	2,227.0	2,227.0	2,227.0	2,227.0	2,227.0	2,227.0	2,227.0	2,227.0			
		188	14	2,397.0	HNK	2,397.0	2,397.0	2,397.0	2,397.0	2,397.0	2,397.0	2,397.0	2,397.0	2,397.0	2,397.0			
		189A	14	2,217.0	HNK	2,217.0	2,217.0	2,217.0	2,217.0	2,217.0	2,217.0	2,217.0	2,217.0	2,217.0	2,217.0			
		192	14	4,656.0	HNK	4,656.0	4,656.0	4,656.0	4,656.0	4,656.0	4,656.0	4,656.0	4,656.0	4,656.0	4,656.0			
		189	14	4,432.0	HNK	4,432.0	4,432.0	4,432.0	4,432.0	4,432.0	4,432.0	4,432.0	4,432.0	4,432.0	4,432.0			
I.2	Thị trấn Kbang	0	0	26,300	HNK	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	23,789	23,789	23,789	23,789	23,789		1/40	

TT	Địa chỉ thửa đất		Diện tích (ha) Năm 2013	Loại đất nông nghiệp	Diện tích biến động qua các năm (tăng, giảm)								Diện tích (ha) Năm 2023	Lý do (tăng, giảm)	Ghi chú			
	Số thửa	Số tờ bản đồ			2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021				2022		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
I.3 Xã Tơ Tung		91,92,61,93,136,135,13 4,133,166,165,199,200, 167,168,231,230,232,23 3,201,202,287,342,364, 389,341,315,286,314,36 3,388,387,362,313,335, 307,308,309,310,311,31 2,358,359,336,337,338, 339,340,382,383,384,36 0,361,409,410,411,412, 385,386,306,357,380,38 1,408,430,407,379,334, 333,356,378,405,406,42 9,332,377,403,404,427, 428,402,376,355	38	31,015	LUC	31,015	31,015	31,015	31,015	31,015	31,015	31,015	29,362	29,362	29,362	29,362		
I.4 Xã Nghĩa An		49	5	2,400	HNK	2,400.0	2,400.0	2,400.0	2,400.0	2,400.0	2,400.0	2,400.0	2,400.0	2,400.0	2,400.0	2,400.0		
		50	5	3,740	HNK	3,740.0	3,740.0	3,740.0	3,740.0	3,740.0	3,740.0	3,740.0	3,740.0	3,740.0	3,740.0	3,740.0		
		50a	5	1,728	HNK	3,173.4	3,173.4	3,173.4	3,173.4	3,173.4	3,173.4	3,173.4	3,173.4	3,173.4	3,173.4	3,173.4		
		51	5	2,770	HNK	2,620.0	2,620.0	2,620.0	2,620.0	2,620.0	2,620.0	2,620.0	2,620.0	2,620.0	2,620.0	2,620.0		
		52	5	7,946	HNK	7,946.0	7,946.0	7,946.0	7,946.0	7,946.0	7,946.0	7,946.0	7,946.0	7,946.0	7,946.0	7,946.0		
		56	5	2,923	HNK	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0		
		56a	5	2,923	HNK	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0	2,923.0		
		56b	5	1,050	HNK	1,050.0	1,050.0	1,050.0	1,050.0	1,050.0	1,050.0	1,050.0	1,050.0	1,050.0	1,050.0	1,050.0		
		57	5	1,574	HNK	1,574.0	1,574.0	1,574.0	1,574.0	1,574.0	1,574.0	1,574.0	1,574.0	1,574.0	1,574.0	1,574.0		
		57a	5	1,570	HNK	1,570.0	1,570.0	1,570.0	1,570.0	1,570.0	1,570.0	1,570.0	1,570.0	1,570.0	1,570.0	1,570.0		
		1	27	2,615	HNK	2,603.6	2,603.6	2,603.6	2,603.6	2,603.6	2,603.6	2,603.6	2,603.6	2,603.6	2,603.6	2,603.6		
		8	27	6,228	HNK	5,621.6	5,621.6	5,621.6	5,621.6	5,621.6	5,621.6	5,621.6	5,621.6	5,621.6	5,621.6	5,621.6		
		10	27	8,046	HNK	7,601.6	7,601.6	7,601.6	7,601.6	7,601.6	7,601.6	7,601.6	7,601.6	7,601.6	7,601.6	7,601.6		
		7	27	7,281	HNK	6,807.8	6,807.8	6,807.8	6,807.8	6,807.8	6,807.8	6,807.8	6,807.8	6,807.8	6,807.8	6,807.8		
		17	27	2,250	HNK	2,250.0	2,250.0	2,250.0	2,250.0	2,250.0	2,250.0	2,250.0	2,250.0	2,250.0	2,250.0	2,250.0		
		24	27	12,553	HNK	9,715.1	9,715.1	9,715.1	9,715.1	9,715.1	9,715.1	9,715.1	9,715.1	9,715.1	9,715.1	9,715.1		
		87	6	22,743	HNK	22,743.0	22,743.0	22,743.0	22,743.0	22,743.0	22,743.0	22,743.0	22,743.0	22,743.0	22,743.0	22,743.0		
		92a	6	4,104	HNK	4,104.0	4,104.0	4,104.0	4,104.0	4,104.0	4,104.0	4,104.0	4,104.0	4,104.0	4,104.0	4,104.0		
		134	6	9,842	HNK	9,842.0	9,842.0	9,842.0	9,842.0	9,842.0	9,842.0	9,842.0	9,842.0	9,842.0	9,842.0	9,842.0		
		Tổng cộng		196,529											189,287.10		1/4/	

Biểu số 02

BIỂU TỔNG HỢP CÁC SAI PHẠM, TỒN TẠI VÀ KIẾN NGHỊ XỬ LÝ ĐỐI VỚI QUỸ ĐẤT CÔNG ÍCH TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ, PHƯỜNG (phát hiện qua thanh tra)

(Kèm theo Báo cáo số 14/UBND-NC ngày 18 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện Khang)



TT	Địa bàn	Địa chỉ thửa đất		Diện tích (ha)	Loại đất nông nghiệp	Họ và tên người thuê	Kết luận thanh tra	Nội dung vi phạm					Kết quả xử lý			Khó khăn vướng mắc	Kiến nghị, đề xuất	Ghi chú
		Số thửa	Số tờ bản đồ					9	10	11	12	13	14	15	16			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
I Diện tích đang cho thuê																		
I.3	Xã Tư Tung																	
I.4																		
Tổng cộng																		
II Diện tích chưa cho thuê (nhập thông tin từ cột 1 đến 6)																		
II.1	Xã Nghĩa An	24	27	12,553.0	HNK													
		17	27	2,250.0	Ao													
		51	5	2,770.0	HNK													
		50a	5	1,728.0	HNK													
		50	5	3,740.0	HNK													
		49	5	2,400.0	HNK													
		52	5	7,946.0	HNK													
		56	5	2,923.0	HNK													
		56a	5	2,923.0	HNK													
		57	5	1,574.0	HNK													
		57a	5	1,570	HNK													
		56b	5	1,050	HNK													
	Xã Đắk Hlor																	
		186	14	2,903	HNK													
		187	14	2,227	HNK													
		184	14	7,305	HNK													
		192	14	4,656	HNK													
III	Tổng I và II			60,518	HNK													

(Signature)